TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 20/2018/HNGĐ- ST
Ngày 03-5-2018
V/v ly hôn, nuôi con chung
Và chia tài sản khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Trung Dũng
- Bà Nguyễn Hoàng Liên

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thi- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-4-2018 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị B. Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Bàn Văn S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái- Đại diện: Ông Hoàng Ngọc Giang- Giám đốc

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái- Có mặt.

- Bà Đặng Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 05-01-2018 nguyên đơn chị Bàn Thị B trình bày: Tôi và anh Bàn Văn S có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh S hay có bạo lực gia đình. Từ năm 2014 anh S thường xuyên đánh đập tôi, nên tôi và anh S sống ly thân từ tháng 11-2017. Nay tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh S.

Về con chung: Tôi và anh S có hai con chung tên là Bàn Thừa T, sinh ngày 02-3-2005 và Bàn Thị L, sinh ngày 09-4-2007. Tôi có nguyện vọng nuôi cháu L, nhất trí để anh S nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung tôi và anh S đã thỏa thuận tự chia đất ruộng cấy lúa và các nương trồng quế không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại các tài sản là nhà và tiền mặt và khoản vay ngân hàng chính sách xã hội như sau:

- 01 nhà xây cấp 4 và bếp xây tổng diện tích 117.8 m^2, xây trên diện tích 1.440 m^2 đất của bố mẹ anh S cho là ông Bàn Phúc K và bà Đặng Thị C ở tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái, trị giá nhà xây và bếp xây 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất).

Anh S hiện nay đang quản lý 100.000.000 đồng tiền mặt.

Về khoản nợ: Tôi và anh S có vay của phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên 28.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 390.000.000 đồng trừ đi khoản trả nợ ngân hàng chính sách xã hội 28.000.000 đồng còn lại 362.000.000 đồng. Tôi yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản như sau:

- Anh S phải trích chia chênh lệch tài sản cho tôi 181.000.000 đồng.

- Phần anh S được sử dụng, sở hữu: 01nhà xây và bếp xây, diện tích 117,8 m^2, trị giá 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất), xây dựng trên diện tích 1.440 m^2 đất của bố mẹ anh S cho là ông bà Bàn Phúc K và bà Đặng Thị C. Anh S được sử dụng 100.000.000 đồng tiền mặt. Anh S có trách nhiệm trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên số tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và lãi xuất theo hợp đồng.

Tại các biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bàn Văn S trình bày: Tôi và cô Bàn Thị B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 , vì trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế nên chúng tôi không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô B có tính lăng nhăng. Có người đến nói chửi cô B đi theo chồng của họ nên cô B bỏ nhà đi từ tháng 6-2017 cho đến nay. Tôi xác định tình cảm không còn cô B xin ly hôn tôi đồng ý

Về con chung tôi và cô B có hai con chung tên là Bàn Thừa Thành, sinh ngày 02-3-2005 và Bàn Thị Lan, sinh ngày 09-4-2007. Tôi có nguyện vọng nuôi cháu Thành để cô B nuôi cháu Lan, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi có ruộng cấy lúa và các nương trồng quế tôi và cô B đã tự thỏa thuận được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn các tài sản là nhà ở, tiền mặt và nợ chung gồm có như sau:

- 01 nhà xây cấp 4 và bếp xây tổng diện tích 117.8 m^2, xây trên diện tích đất 1.440 m^2 của bố mẹ đẻ tôi là ông Bàn Phúc K và bà Đặng Thị C cho ở tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái, trị giá nhà xây và bếp xây 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất).

- Hiện nay tôi đang quản lý 100.000.000 đồng tiền mặt.

Về khoản nợ: Tôi và cô B có vay của phòng giao dịch ngân hảng chính sách xã hội huyện Văn Yên 28.000.000 đồng. Tôi có trách nhiệm trả tiền gốc 28.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng.

Về chia tài sản chung tôi yêu cầu được chia như sau:

Tôi có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho cô B 181.000.000 đồng

Tôi được sử hữu, sử dụng các tài sản: 01 nhà xây và bếp xây trị giá 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất), được 100.000.000 đồng tiền mặt. Tôi có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên số tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Ngọc Giang trình bày gia đình chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn S có làm thủ tục vay vốn tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên tổng số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) vào hai lần như sau: Lần 01 vào ngày 20-10-2014, số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi xuất 0,60%/tháng, thời hạn trả nợ 20-10-2019; Lần 02 vào ngày 29-12-2015, số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), lãi xuất 0,10%/tháng, thời hạn trả

nợ 20-12-2020. Nếu chị B và anh S không chung sống cùng nhau nữa, đề nghị anh chị thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi trước khi ly hôn. Trong trưởng hợp nếu không thanh toán được đầy đủ trước khi ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ai là người được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở thì người đó có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) và lãi xuất theo hợp đồng.

- Bà Đặng Thị C trình bày: Gia đình tôi đã cho cháu Bàn Văn S 1.440 m^2 để làm nhà là cho riêng cháu S, nếu cháu S và cháu B phải ly hôn thi đất này không được chia.

Tòa án đã tiến hành hòa giải các đương sự thỏa thuận được việc nuôi con chung, chia tài sản chung và trả nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 điều 14, điều 15, điều 16, khoản 2 điều 53; điều 81, điều 82, điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử tuyên bố chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn S không phải là vợ chồng; giao cho chị Bàn Thị B trực tiếp nuôi cháu Bàn Thị L, anh Bàn Văn S trực tiếp nuôi cháu Bàn Thừa T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; anh Bàn Văn S có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho chị Bàn Thị B 181.000.000 đồng, anh S được sử dụng sở hữu 01 nhà xây và bếp xây trị giá 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất), được 100.000.000 đồng tiền mặt. Anh S có trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên số tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng. Chị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; các đương sự phải chịu 50% án phí chi tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn S có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn.Chị B có yêu cầu xin ly hôn anh S, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc chị B và anh S có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tuyên bố chị B và anh S không phải là vợ chồng.

{4} *Về con chung*: Chị B và anh S có hai con chung là Bàn Thừa T, sinh ngày 02-3-2005 và Bàn Thị L, sinh ngày 09-4-2007. Trong quá trình giải quyết vụ án chị B và anh S thỏa thuận việc nuôi con. Chị B trực tiếp nuôi cháu Bàn Thị L. Anh Bàn Văn S trực tiếp nuôi cháu Bàn Thừa T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị B và anh S vẫn giữ nguyên thỏa thuận này. Hội đồng xét xử thấy rằng sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung:* Tại phiên hòa giải ngày 06-4-2018 các đương sự đã thỏa thuận việc chia tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên thỏa thuận đó. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Bàn Thị B được anh Bàn Văn S trích chia chênh lệch tài sản 181.000.000 đồng

- Anh Bàn Văn S được sử dụng, sở hữu 01nhà xây và bếp xây, diện tích 117,8 m^2, trị giá 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất), xây dựng trên diện tích 1.440 m^2 đất của bố mẹ anh S cho là ông bà Bàn Phúc K và bà Đặng Thị C. Anh S được sử dụng 100.000.000 đồng tiền mặt.

{6} *Về nợ chung*: Anh Bàn Văn S có trách nhiệm trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên số tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và lãi xuất theo hợp đồng.

{7} *Về án phí*:

+ Chị Bàn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng

+ Án phí chia tài sản: Chị B và anh S thỏa thuận được việc chia tài sản chung tại phiên hòa giải trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% án phí

- Chị Bàn Thị B phải chịu án phí chia tài sản: 181.000.000 đồng x 2,5% = 4.525.000 đồng

- Anh Bàn Văn S phải chịu án phí chia tài sản: 181.000.000 đồng x 2,5% = 4.525.000 đồng

{8} *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Theo quy định tại Điều 157 của bộ luật tố tụng dân sự chị B và anh S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000 đồng, mỗi đương sự phải chịu 1/2. Chị B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, nay anh S có nghĩa vụ hoàn trả cho chị B 400.000 đồng

{9} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Khoản 1 điều 14, điều 15, điều 16, khoản 2 điều 53; điều 81, điều 82, điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 147, 157, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn S không phải là vợ chồng

2- *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung*: Chị Bàn Thị B trực tiếp nuôi cháu Bàn Thị L, sinh ngày 09-4-2007; anh Bàn Văn S trực tiếp nuôi cháu Bàn Thừa T, sinh ngày 02-3-2005, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3- *công nhận sự thỏa thuận của các đương Về chia tài sản chung cụ thể như sau*:

- Chị Bàn Thị B được anh Bàn Văn S trích chia chênh lệch tài sản 181.000.000đ (một trăm tám mươi mốt triệu đồng)

- Anh Bàn Văn S được sử dụng, sở hữu các tài sản sau: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền mặt (anh S đang quản lý); 01nhà xây và bếp xây, diện tích 117,8 m^2, trị giá 290.000.000 đồng (không tính giá trị đất), xây dựng trên diện tích 1.440 m^2 đất của bố mẹ anh S cho là ông bà Bàn Phúc K và bà Đặng Thị C ở tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp đường liên thôn, chiều dài 46 m;

- Phía Nam giáp đất trồng quế của ông Bàn Kim N, chiều dài 44 m;

- Phía Đông giáp đất trồng quế của ông Vàng A C, chiều dài 30 m;

- Phía Tây giáp khu đất ở ông Bàn Văn B, chiều dài 34 m;

4- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*:

- Chị Bàn Thị B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) xác nhận chị B đã nộp 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) nay được anh S hoàn trả 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

- Anh Bàn Văn S phải chịu chi phí xem xét thẩm định 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Xác nhận chị B đã nộp tạm ứng cho anh S nay anh S có trách nhiệm hoàn trả chị B 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Bàn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Bàn Văn S chưa thi hành khoản tiền trích chia chênh lệch tài sản và tiền chi phi xem xét thẩm định tại chô hoàn trả cho chị B thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hảnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

5- *Về nợ chung*: Anh Bàn Văn S có trách nhiệm trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Yên số tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và lãi xuất theo hợp đồng.

6- Về án phí:

- Chị Bàn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí chia tài sản 4.525.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) chị B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2013/04682 ngày 05-01-2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị B được hoàn lại 5.175.000đ (năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Bàn Văn S phải chịu 4.525.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản.

7- Quyền kháng cáo:

Chị Bàn Thị B, anh Bàn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng cính sách xã hội huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến tài sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đặng Thị C được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến tài sản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
-UBND xã M,
- Các đương sự (04);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh